

MÚA RỐI CẠN CHÀU THÁNH - MỘT NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA LỄ HỘI CHÙA ĐẠI BI

Tóm tắt: Chùa Đại Bi ở thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định có từ lâu đời, đáng kể là lễ hội của chùa được tổ chức với quy mô lớn, gắn liền với việc thờ phụng thiền sư Từ Đạo Hạnh, thể hiện lòng thành kính, tri ân đối với Ngài. Trong lễ hội, múa rối cạn châu Thánh là một trong những nghi lễ tiêu biểu, độc đáo, mang tính thiêng và chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian, ở một không gian thiêng nhất định, góp phần làm nên nét đặc trưng của lễ hội chùa Đại Bi. Tương truyền, đây là trò diễn do Đức Thánh Từ Đạo Hạnh sáng tạo và truyền dạy cho người dân, nhằm đề cao những giá trị đạo đức và đạo lý sống của con người. Bài viết đề cập đến nguồn gốc và nghệ thuật múa rối cạn châu Thánh, bên cạnh đó, bài viết cũng làm rõ những giá trị lịch sử, văn hóa của hình thức diễn xướng nghệ thuật dân gian độc đáo này.

Từ khóa: Lễ hội, lễ hội chùa Đại Bi, múa rối cạn châu Thánh, Từ Đạo Hạnh, Nam Định

Dẫn nhập

Chùa Đại Bi là ngôi chùa chung của ba thôn Vân Chàng, Giáp Ba và Giáp Tư, thuộc thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Chùa được xây dựng từ thời Lý Nhân Tông trị vì (1072 - 1127), được mở rộng và trải qua nhiều lần trùng tu. Lễ hội chùa Đại Bi được tổ chức với quy mô lớn, trong đó, nghi lễ múa rối cạn châu Thánh là một hoạt động gắn liền với nghi lễ thờ thiền sư Từ Đạo Hạnh - người có công chấn hưng nền Phật giáo thời Lý. Nghi lễ này được coi là

* Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “Rối cạn của người Việt và người Tây ở Việt Nam: Truyền thống và biến đổi” do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam chủ trì, thực hiện năm 2024 - 2025, TS. Vũ Hồng Nhi làm chủ nhiệm đề tài.
Ngày nhận bài: 11/6/2024; Ngày biên tập: 13/6/2024; Duyệt đăng: 28/11/2024.

thành tổ làm nên hồn cốt, nét đặc trưng trong lễ hội chùa Đại Bi. Nghệ nhân tham gia theo hình thức tự nguyện, tự đóng góp chi phí cho hoạt động - đây là điều hiếm thấy ở một phường rối cạn. Trải qua hàng trăm năm, hình thức diễn xướng dân gian này vẫn được bảo tồn nguyên vẹn và trở thành một loại hình nghệ thuật lưu giữ nhiều giá trị lịch sử, văn hóa.

Đã có những nghiên cứu được công bố về chùa Đại Bi và lễ hội của chùa; về thiền sư Từ Đạo Hạnh và hình thức thờ cúng; nghệ thuật múa rối cạn đầu gỗ tại các chùa vùng châu thổ sông Hồng, tiêu biểu như: Lý lịch lễ hội chùa Đại Bi (2020); Lịch sử chùa Đại Bi (2023), Một vài đặc điểm về các ngôi chùa thờ Tứ vị Thánh tổ ở đồng bằng sông Hồng (2019); Truyền thuyết, diễn xướng rối đầu gỗ ở đình làng Xuân Trạch Thái Bình và dữ liệu lịch sử (2013); Trò Ôi lồi rối cạn và rối nước Nam Định chùa Đại Bi (2015); Nghệ thuật Ôi lồi rối cạn chùa Đại Bi (2023)... Các tác giả đều khẳng định múa rối cạn là hình thức diễn xướng dân gian chứa đựng giá trị văn hóa phi vật thể vô cùng quý giá, rất cần được bảo tồn và phát huy. Tuy nhiên, lý giải về nguồn gốc lịch sử của múa rối chầu Thánh và mối liên quan với nghệ thuật múa rối vẫn là khoảng trống còn tồn tại của các nghiên cứu này.

Bằng phương pháp điền dã Dân tộc học, quan sát tham gia, phỏng vấn hồi cố, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tại phường múa rối cạn đầu gỗ tại Nam Định, bài viết tập trung phân tích sự hình thành múa rối cạn, nghệ thuật và nghi thức múa rối cạn chầu Thánh tại chùa Đại Bi. Đặc biệt, bài viết cũng hướng tới làm rõ tính thiêng ẩn chứa trong nghi lễ và nghệ thuật múa rối cạn chầu Thánh, niềm tin của người dân vào sự phù hộ độ trì của Đức Thánh Từ Đạo Hạnh và các thánh tượng rối, về sự dung hòa giữa tín ngưỡng dân gian thờ thần - thánh và thờ Phật của người Việt trong nghệ thuật múa rối cạn.

1. Lịch sử, truyền thuyết và không gian thờ tự tại chùa Đại Bi

Chùa Đại Bi, hay được gọi là chùa Bi, cách thành phố Nam Định 10 km theo đường 55. Cũng như một số các ngôi chùa ở vùng châu thổ sông Hồng, ngoài thờ Phật, chùa còn thờ Thánh sư Từ Đạo Hạnh. Chùa tọa lạc trên khu đất rộng, bằng phẳng, quay về hướng Nam - hướng của Bát nhĩ trí tuệ. Theo truyền thuyết, khu đất của chùa có thể đầu rồng; hai bên chùa có giếng nước tròn, một ở phía Đông, một ở phía Tây, người dân nơi đây quen gọi là hai mắt rồng.

Theo thư tịch cổ (như thần tích, thần sắc, bài kệ, truyền thuyết dân gian...) và kết quả nghiên cứu di vật còn lại, có thể xác định chùa Đại Bi có niên đại gần 1.000 năm. Đây từng là nơi tu hành của thiền sư Từ Đạo Hạnh (1072 - 1116), một danh sư thời Lý có công lao lớn với triều đình và nhân dân. Theo thần phả và các tư liệu ở di tích ghi lại, cha Ngài, Đô sát Tăng quan Từ Vinh, vốn là người trung trực, bị em vua là Diên Thành Hầu ghen ghét nên bèn mưu với pháp sư Đại Diên tìm kế hãm hại. Cha mất vì gian kế, Ngài phải đưa mẹ tìm nơi lánh nạn. Ngài đi về đất Chân Đàm, huyện Nam Chân, trấn Sơn Nam (nay là thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định) sửa lại am nhỏ, lập thành chùa Đại Bi (Đại Bi tự) làm nơi ẩn náu và tu hành. Bài kệ Thánh tổ tại chùa Đại Bi có ghi:

“Lén đi về trấn Sơn Nam
Tây Chân huyện đó, Chân Đàm xã đây
Gửi thân được chốn am mây
Mẹ con mừng rỡ ở đây trụ trì
Sửa sang phong cảnh chùa Bi
Tòa vàng rực rỡ, vườn Kỳ thanh u...”

[Đỗ Đình Thọ, 2015: 24].

Trong thời gian tu hành, nương náu ở chùa Đại Bi, Ngài đã kết bạn với thiền sư Không Lộ ở chùa Nghiêm Quang và thiền sư Giác Hải ở chùa Phúc Lâm, Giao Thủy. Tương truyền, ba vị thiền sư đã sang Tây Tạng cầu Phật pháp và được Phật truyền “Tâm ấn lục trí thần thông”. Khi đắc đạo trở về, Ngài đã đi nhiều nơi trong đó có thị trấn Nam Giang ngày nay để tham thiền vấn đạo, cầu mưa, chữa bệnh cho dân nghèo, dạy dân những trò chơi dân gian như đá cầu, đánh vật, múa rối... Sau đó, ngài đến núi Sài Sơn (nay là xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội) lập ra chùa Thầy (Thiên Phúc tự) để tiếp tục tu hành. Ngày 7/3/1116 (âm lịch), Ngài đã hóa tại ngôi chùa này, nhân dân lấy ngày đó là ngày lễ hội của chùa Thầy. Ngài được phong là Quốc sư vì có nhiều đóng góp cho Phật pháp nước nhà; người dân nhiều nơi suy tôn là Thánh sư, Thánh tổ; đồng thời, Ngài cũng được một số nơi coi là thành hoàng làng, người có công lao truyền dạy nghề cho dân, trong đó có nghề múa rối [Đỗ Thị Thanh Hương, 2019: 41 - 42]. Tại xã Chân Đàm xưa, để tri ân công

đức của thiền sư Từ Đạo Hạnh, người dân địa phương đã thờ Ngài tại chùa Đại Bi, tôn Ngài là bậc thánh, là thành hoàng của ba thôn: Giáp Ba, Giáp Tư, Vân Chàng. Hằng năm, tại chùa Đại Bi, cư dân ba thôn mở hội tế xuân để tưởng nhớ Đức Thánh Từ; tổ chức múa rối châu Thánh để Ngài vui với mong muốn được Ngài bảo hộ. Vì thế, chùa Đại Bi và lễ hội trở thành trung tâm hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng nơi đây; nghi thức múa rối cạn châu Thánh là một thành tố quan trọng trong lễ hội.

Kiến trúc chùa Đại Bi có nhiều nét độc đáo. Tam quan chùa có kết cấu hai mái với ba hàng cột ngang, được xây chếch về phía Đông, lệch theo trục thần đạo của chùa. Qua tam quan và một khoảng sân rộng là chùa chính với các đầu đao góc mái uốn cong vút tạo sự mềm mại, thanh thoát. Chùa chính gồm cụm kiến trúc: Tiền đường Tam bảo ngoại có tượng Phật Thích Ca đản sinh, Ngọc Hoàng thượng đế và Nam Tào, Bắc Đẩu; Tam bảo nội ở giữa, bên phải là cung thánh, bên trái là tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, tượng Quan Âm tọa sơn. Đây là hình thức bài trí thờ tự điện Phật và điện Thánh cùng chung trong một kiến trúc theo kiểu *tiền Phật, hậu Thánh*; có kết cấu theo kiểu chữ *Công*, bao gồm các tòa tiền đường, thiêu hương và thượng điện. Thượng điện được chia làm hai phần tách biệt, phía trước thờ Phật, phía sau bên phải tòa Tam bảo có một hậu cung thờ Thánh sư Từ Đạo Hạnh. Đức Thánh Từ được thờ trong hậu cung “thưng”¹ kín, mỗi năm cửa hậu cung chỉ mở một lần khi thực hiện nghi lễ Mộc dục thăng y cho Thánh trước ngày diễn ra lễ hội chính. Phía bên trái tòa Tam bảo là khám thờ Thập nhị Thánh tượng rỗi (12 tượng rỗi). Khám thờ giống như chiếc tủ gỗ, được sơn son thếp vàng, phía trên trang trí hoa văn lưỡng long châu nguyệt. Phía trước khám là nhang án, nơi để vật phẩm, hương hoa dâng lên Thánh tượng. Mỗi năm khám thờ được mở hai lần để các nghệ nhân thực hiện nghi lễ mộc dục thăng y cho Thánh tượng rỗi trước khi rước các ngài ra diễn rối châu Thánh tại chùa.

Sau chùa có gác chuông kiến trúc kiểu tám mái chồng diêm, là một công trình di sản có giá trị quan trọng của chùa Đại Bi. Sau gác chuông là nhà thờ tổ sư Bồ Đề Đạt Ma, vị tổ thứ 28 và là vị sư tổ của phái thiền được đức Thích Ca truyền dạy. Hai bên chùa là hai dãy hành lang, mỗi bên gồm 20 gian có cột, kèo, xà đều bằng gỗ lim, bên phía Đông có bia hậu hiện thờ nghệ nhân phường rối đã qua đời.

Trải qua các triều đại, với những biến cố trong lịch sử và sự tàn phá của thiên nhiên, chùa Đại Bi vẫn lưu giữ được khá nhiều di vật có giá trị như bộ cửa gỗ tại gian giữa bái đường mang đậm phong cách thời Hậu Lê; mười tám bia đá với bia cổ nhất được khắc năm Vĩnh Trị thứ 4 đời vua Lê Hy Tông (1697); mười đạo sắc phong; một quả chuông đồng nặng hơn hai tấn được đúc vào đời vua Minh Mệnh năm thứ 28 (1847); đặc biệt, những đầu rối bằng gỗ được sử dụng trong nghi thức múa rối châu Thánh tạo nên sự độc đáo, đặc sắc cho lễ hội của chùa.

2. Một số cứ liệu về sự hình thành Múa rối cạn châu Thánh

Múa rối cạn ở chùa Đại Bi còn có những tên gọi khác như *Múa rối châu Thánh*, *Trò rối đầu gỗ* hay *Nghệ thuật Ôi lồi*, *Ôi lồi vũ ca bản* hoặc *Ôi lồi kịch*. Những tên gọi trên đều xuất phát từ đặc điểm, hình thức biểu diễn của loại hình nghệ thuật này. *Múa rối châu Thánh* chỉ biểu diễn trên cạn cho Thánh xem và chỉ ở một không gian, thời gian nhất định; *Trò rối đầu gỗ* có quân rối để biểu diễn là các đầu rối gỗ được gọi là Thánh tượng [Nguyễn Tiến Dũng, 2022: 8]. *Nghệ thuật Ôi lồi*, *Ôi lồi vũ ca bản*, *Ôi lồi kịch* có nghĩa là nghệ thuật hát múa rối đầu gỗ², trong bài viết, tác giả sử dụng tên gọi múa rối cạn châu Thánh, múa rối đầu gỗ và nghệ thuật Ôi lồi với nghĩa tương đương để giới thiệu về nghệ thuật múa rối cạn của chùa Đại Bi [Thiết Chử, 2001: 29, 765].

Cho đến nay, chưa có tư liệu nào ghi chép về nguồn gốc, lịch sử ra đời của múa rối cạn châu Thánh tại chùa Đại Bi. Theo các cụ cao niên ở địa phương, nghệ thuật múa rối này có từ thời nhà Lý, nghĩa là tính đến nay đã được hơn 900 năm và gắn với công lao của đức Thánh Từ Đạo Hạnh. Hiện nay, ở địa phương vẫn truyền tụng ba truyền thuyết về nguồn gốc của múa rối cạn châu Thánh.

Truyền thuyết phổ biến nhất kể về một hoàng hậu, vì mãi không có con nên nhà vua phải tổ chức cầu tự. Thời gian sau, hoàng hậu có thai và đẻ ra một bọc trứng. Tuy nhiên, trong bọc không phải là người mà là sáu quái thai nên nhà vua ra lệnh đem thả xuống nước. Trên đường trở về sau khi đi học kinh pháp Phật ở Tây Tạng, thiền sư Từ Đạo Hạnh thấy một bọc trôi lập lờ trên sông, mở ra thấy có sáu quái thai. Là người có lòng trắc ẩn, Ngài đã đem về nuôi nấng, cảm hóa và dạy dỗ thành người có ích. Từ đây lại có hai câu chuyện khác nhau về việc tạo ra sáu đầu rối để múa châu Thánh. Một là, người dân đã tạo nên sáu đầu rối có khuôn mặt của những người đã trưởng thành cùng lời

ca, điệu múa để thờ và tưởng nhớ công ơn, tâm đức của Thánh Từ Đạo Hạnh³. Hai là, khi sáu sinh linh này mất đi, Thánh Từ Đạo Hạnh thương tiếc khôn nguôi nên Ngài đã làm ra sáu đầu tượng gỗ để tưởng nhớ. Đồng thời, Ngài cũng đặt ra những bài ca, điệu múa cho sáu đầu tượng gỗ và lồng ghép vào các bài ca những luân thường, đạo lý trong xã hội nhằm giáo hóa, răn dạy mọi người.

Truyền thuyết khác nói về vùng Nam Giang xưa từng có mười hai ông thần sóng chuyên dâng nước lũ và sóng dữ làm hại dân lành. Đức Thánh Từ đã ra tay làm phép thu phục được sáu ông sóng, sáu ông còn lại bị đuổi ra biển. Từ đó, Thánh Từ đã tạo ra trò rối đầu gỗ với đầu sáu ông thần sóng múa trên mặt nước, vì vậy trên màn che để biểu diễn có trang trí họa tiết hình sóng nước.

Truyền thuyết thứ ba cho rằng chính Đức Thánh Từ đã tạo nên sáu đầu rối là đại diện cho sáu đức tính của người quân tử là *liêm, si, trí, tín, hiếu, nghĩa*, cùng những ca từ răn dạy về lối sống, đạo làm người [Trang Thanh Hiền, 2013: 97]. Nghiên cứu ca từ của múa rối cạn châu Thánh trong bài *Phú cái*, chúng tôi thấy có nội dung tương tự như truyền thuyết kể về hoàng hậu hiếm muộn con sinh ra một bọc, rồi nhà vua bắt bà mụ đem thả trôi sông. Điểm khác là không nhắc đến chi tiết Thánh Từ vớt bọc trứng và đem về nuôi nấng, giáo hóa; tuy nhiên lại nhắc đến việc đặt tên, ban chức cho sáu tượng rối, chính là những tên gọi mà phường rối hiện vẫn dùng như:

“...Lương công chúa mới toan đặt hiệu
Mới đặt cho làm “Lục biểu đầu ông”
Sáu con trai trị chung sáu nước
Mới đặt cho làm chức tước cân đai
Mới đặt cho làm hai ông chúa Lộng...”

[Nguyễn Tiến Dũng 2022: 76]

Đặc biệt, một số câu trong bài *Phú cái* có nhắc đến triều đại nhà Hồ, đề cập đến các tượng rối và hình thức múa rối Ôi lỗi liên quan đến nhà Hồ:

“Vậy có thơ rằng: tình tình Ôi lỗi
Dựng làm Ôi lỗi từ thời nhà Lương
Dòng dõi con Vua Hồ Kiến Xương

Là mười sáu đầu sinh ra một bọc (múa tượng)”

[Nguyễn Tiến Dũng, 2022: 76]

Ngoài ra, trong cuốn *Ôi lối vũ ca bản* viết năm 1847 bằng chữ Hán Nôm và cuốn *Kinh Thánh Ôi lối hội* được chép lại năm 1953 có đôi câu đối nói về Thánh tượng rối của chùa, cho thấy múa rối cạn châu Thánh với tên gọi là *Ôi lối* hay sáu tượng rối lớn được gọi là *Lục biểu đầu ông*.

“Lục biểu đầu ông linh mặc tấc

Thiên thu phúc tướng tích trường lưu”

Dịch nghĩa: “Sáu đầu ông đại biểu rất linh thiêng

Nghìn năm tạo phúc, sự tích ấy mãi lưu truyền”

[Nguyễn Tiến Dũng, 2022: 6]

Trong dân gian có giả thiết cho rằng, múa rối cạn châu Thánh ở chùa Đại Bi là sự mô phỏng những đầu người thực của quan quân chết trận liên quan đến các trận chiến của Hồ Nguyên Trừng và Hồ Hán Thương (thời nhà Hồ). Còn chúng tôi cho rằng, các tượng rối đầu gỗ để biểu diễn châu Thánh trong lễ hội chùa Đại Bi có thể là hình thức nhân dân biểu đạt sự thương tiếc, cầu siêu cho những quan quân chết trận trong cuộc chiến chống lại quân Minh dưới sự chỉ huy của nhà Hồ⁴. Những quan quân chết trận trôi dạt theo các dòng sông chảy ra cửa biển, trong đó có địa phận chùa Đại Bi và được người dân nơi đây vớt lên chôn cất. Đồng thời, về thời gian, nghi thức múa rối cạn châu Thánh ở chùa Đại Bi được tổ chức vào đêm 30 tháng Chạp và từ 21-23 tháng Giêng cũng là thời điểm những trận đánh diễn ra trên sông do Hồ Nguyên Trừng cầm quân. Bên cạnh đó, sự thiêng hóa quan quân chết trận cũng được phản ánh qua cách gọi tên rối. Tại chùa Đại Bi, các đầu rối gỗ được gọi là Thánh tượng rối; ở chùa Cổ Tung gọi là tượng nhà quan. Hơn nữa, diễn xướng và ca từ cũng được bổ sung, sáng tác thêm vào các thời kỳ sau này, được thể hiện ở bài thơ tứ tuyệt trong cuốn *Ôi lối vũ ca bản* viết năm 1847:

“Thánh Tổ an dân, minh tác nguyên,

Hiền sĩ nhân gian, hậu bồi duyên.

Đạo trọng luân thường, thù nhân niệm

Hảo bản duy miên, hậu thế truyền”.

Dịch nghĩa:

“Vì thương muốn răn dạy dân, Thánh tổ sáng tác đầu tiên

Các hiền tài có duyên với Thánh sáng tác thêm vào sau

Đạo lý xã hội, mọi người phải luôn tâm niệm

Đây là sách tốt, cần phải giữ gìn để truyền lại cho đời sau”

[Nguyễn Tiến Dũng 2022: 6]

Như vậy, chúng tôi thấy giả thuyết được đặt ra về nghi thức múa rối cạn châu Thánh ở chùa Đại Bi là sự mô phỏng những đầu người thực của quan quân đã chết trong những trận chiến liên quan đến Hồ Nguyên Trừng và Hồ Hán Thương là có cơ sở. Và “nếu các trận đánh lịch sử thời Hồ dẫn đến việc xác trôi vào các khúc sông, rồi dân gian đưa các đầu vô chủ này vào chùa/miếu nơi thờ Không Lộ, Từ Đạo Hạnh để nhờ uy linh của các ngài để giúp cho các vong hồn siêu thoát cũng là chuyện thường tình. Họ được thần linh hóa, rồi truyền thuyết hóa càng giúp tăng thêm sự hiển linh của các Thánh nhân bất tử. Điều này cũng góp phần lý giải tại sao truyền thuyết thì liên quan đến thời Hồ, nhưng vị Thánh được thờ, ra tay cứu vớt các hình nhân đó lại là người sinh ra trước đó hai thế kỷ vào thời Lý” [Trang Thanh Hiền, 2014: 85]. Đây cũng là một hình thức dung hội và thiêng hóa những sự vật, hiện tượng trong lịch sử với tín ngưỡng dân gian rất phổ biến của cư dân người Việt vùng châu thổ sông Hồng.

3. Thánh tượng rối và nghệ nhân múa rối cạn châu Thánh

3.1. Thánh tượng rối (tượng rối)

Không giống với các phường rối cạn khác, rối sử dụng để biểu diễn châu Thánh ở chùa Đại Bi được gọi một cách rất thành kính là Thánh tượng rối hay tượng rối (ở chùa Cổ Tung gọi là tượng nhà quan; ở chùa Keo Hành Thiện và chùa Cổ Lễ gọi là các đầu rối). Hiện nay, chùa Đại Bi có 12 đầu tượng rối, được gọi là “Thập nhị Thánh tượng rối”, được đặt trang trọng trong khám thờ của chùa. Hằng ngày, tăng, ni, phật tử nhang khói phụng thờ.

Các đầu tượng rối được làm bằng gỗ tốt, sơn son thếp vàng. Trong 12 đầu tượng rối có sáu đầu tượng lớn gọi là sáu ông “Lộng” được đục rỗng bên trong, nặng từ 3 - 3,5kg và sáu đầu tượng nhỏ nặng từ 1 - 1,5kg. Sáu ông Lộng được sắp xếp theo cặp đôi, có hình dáng, tên gọi

và ý nghĩa khác nhau. Sự tích các tượng rối được ghi trong “Phú cái”⁵ điều này chỉ ba ông trùm của ba thôn mới được biết. Người trong hội rối cứ “Tre già măng mọc”, “Cha truyền con nối” và cả những người yêu thích “hát rối” có duyên với cửa Phật thì được bổ sung vào vì thế nguồn nhân lực không bao giờ cạn [Đàm Mạnh Thường, 2022: 131]. Trưởng trùm rối chùa Đại Bi cho biết: Đôi **Lộng chúa** ở giữa được tạc hình một quan văn, một quan võ; mặt đỏ, mắt nhìn quắc thước, miệng rộng, có râu và ria, thể hiện khí chất của người chính nhân quân tử. Bên phải là đôi **Lộng tỳ** (Tùy trắng), mặt sơn màu trắng, khuôn mặt to lớn, miệng cười rộng, mũi to, biểu trưng cho sự phồn thực, no đủ. Bên trái là đôi **Cóc vàng**, mặt sơn hồng nhạt, biểu trưng cho người nông dân vì trên đầu một tượng có con cóc với ý nghĩa báo hiệu thời tiết gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, đầu tượng kia có khuôn mặt khô ngô tuấn tú như một tri thức hay nho sinh. Theo các nghệ nhân, sáu ông Lộng này ứng với số lượng quái thai mà đức Thánh vớt dưới sông lên như trong truyền thuyết dân gian, là đại diện cho các tầng lớp trong xã hội nên được gọi là “Lục biểu đầu ông, linh mặc tấc” (Pvs, nam, NTD, trưởng trùm rối chùa Đại Bi ngày 6/4/2023).

Sáu tượng nhỏ còn lại được làm đặc, cao khoảng 30cm trong hình tượng sáu nhân vật, gồm có: Tượng **Chàng** có khuôn mặt trắng hồng, đầu đội mũ hình lục lăng. Cũng theo trưởng trùm rối chùa Đại Bi, tượng này đại diện cho một lữ khách tham gia lễ hội, mang tính chất góp vui; đôi tượng **Tiên** có khuôn mặt màu trắng, đầu đội mũ, không thể hiện rõ giới tính nam hay nữ; tượng **Hoàng Hậu** (còn có tên nàng Dung hay Nàng Ruông) có khuôn mặt phúc hậu, trắng trẻo, cổ cao ba ngón, mái tóc đen; tượng ông **Chóp** với đầu hình tròn, khuôn mặt đầy đà, phương phi, sơn màu đỏ, giữa trán có chấm tròn to, tóc giống hình tia chớp; tượng ông **Mách** với khuôn mặt nhỏ nhắn, màu đỏ, nét mặt cương nghị. Theo các cụ truyền lại, bộ Thập nhị Thánh tượng rối có tuổi đời gần 400 năm, chỉ sử dụng để biểu diễn chào Thánh tại chùa và chưa bao giờ được mang ra khỏi tam quan. Ngoài ra, chùa Đại Bi còn có thêm một bộ tượng rối tạo hình giống như bộ thập nhị Thánh tượng rối, có kích cỡ nhỏ bằng một nửa bộ trên. Bộ này được làm năm 1957 để tập luyện nên được gọi là tượng tập; sau này, bộ tượng tập cũng được sử dụng để chào “Tam vị Thánh tổ” ở các địa phương khác. Các Thánh tượng rối hay tượng tập ở sát cầm đều có phần ngắn cổ tạo thành một thắt tròn để buộc vải che tay người điều khiển gọi là *the*, ở

giữa đầu tượng có tay cầm dài khoảng 20 - 30cm để điều khiển (Pvs, nam, NTD, trưởng trùm rối chùa Đại Bi ngày 6/4/2023).

3.2. Nghệ nhân múa rối cạn châu Thánh

Nghệ nhân múa rối cạn châu Thánh thuộc phường rối thuộc ba thôn: Vân Chàng, Giáp Tư, Giáp Ba. Mặc dù không giới hạn về số lượng nhưng thường mỗi phường có từ 12 - 15 nghệ nhân, trong đó có một trùm trưởng, một trùm phó còn được gọi là *áp trùm* hay *kế cận*, các thành viên còn lại gọi là *giai*. Người tham gia phường rối theo tinh thần tự nguyện và chỉ có nam giới. Hằng năm, mỗi người phải đóng góp các chi phí cho hoạt động múa rối châu Thánh tại chùa Đại Bi. Ngoài ra, họ phải có tấm lòng hướng thiện, nhân từ, tôn kính Phật, Thánh thì mới “là người đóng bè cầu phúc cho bản thân và gia đình” (Pvs, nam, ĐVH, nghệ nhân phường rối thôn Giáp Tư, 2023). Tuy không giới hạn độ tuổi nhưng người tham gia thường ở độ tuổi trên 40, đặc biệt, họ phải có khả năng ca múa nhạc... Khi vào phường rối, họ cần phải tham dự các buổi múa rối châu Thánh kết hợp với tập luyện để sau 2-3 năm có thể biểu diễn.

Trùm trưởng là người đứng đầu phường rối của mỗi thôn, có kinh nghiệm lâu năm, có tài đức và có khả năng quy tụ mọi người. Người này phải thông thuộc kinh văn, ca, múa nhạc. Ai vào phường trước, hát hay, múa giỏi, chơi nhạc cụ tốt sẽ dần dần được kế nghiệp vị trí phó, rồi lên trùm trưởng. Ngoài ra, chức trùm trưởng cũng được kế tục theo hình thức cha truyền con nối (chân truyền). Trước mỗi lần biểu diễn rối châu Thánh, trùm trưởng của ba thôn sẽ họp bàn, thống nhất hình thức tổ chức, cắt đặt việc ca - múa - nhạc cho các *giai* của phường mình. Trùm trưởng cũng có trách nhiệm truyền dạy cho thành viên mới vào phường và tổ chức luyện tập cho các *giai* trong phường. *Giai* nào hát hay, hát tốt thì được *đứng cái* (hát chính/lĩnh xướng); nếu được đứng hát ở cả hai cấp (cấp trước và cấp sau) được gọi là *kép*.

Theo tục lệ, vị trí của các phường rối được phân định theo thứ tự: Phường rối thôn Vân Chàng là “anh Cả”, thôn Giáp Tư là “anh Hai”, thôn Giáp Ba là “em út”. Vì thế, ông trùm thôn Vân Chàng cũng sẽ là trưởng trùm chịu trách nhiệm chính điều hành, quản lý chung ba phường rối. Cũng theo lệ này, mỗi khi tổ chức biểu diễn rối châu Thánh trong ba tối, phường rối Vân Chàng bao giờ cũng diễn đầu tiên, tiếp theo là Giáp Tư và sau cùng là Giáp Ba.

Nghệ nhân phường rối có những lý giải khác nhau cho lệ này. Nghệ nhân Nguyễn Tiến Dũng, trùm trưởng phường rối Vân Chàng cho rằng thứ tự trên liên quan đến sự đóng góp xây dựng chùa thông qua điển tích: “Xưa kia, chùa Đại Bi rất nhỏ bé, đơn sơ. Được tin sư thầy muốn mở mang, cải tạo chùa cho rộng rãi, khang trang, người thôn Vân Chàng đã mang rất nhiều vật liệu đến góp, sau đó mới đến người của các thôn Giáp Tư và Giáp Ba. Ghi nhận sự đóng góp này, nhà chùa quyết định người phụng sự các công việc của chùa là của ba thôn đã đóng góp xây dựng chùa, vị trí được xếp theo thứ tự thôn đến trước hay sau, đó là: Vân Chàng, Giáp Tư và Giáp Ba”. Nghệ nhân Nguyễn Văn Thành, áp trùm phường Vân Chàng thì giải thích, sở dĩ có lệ như vậy là “do Thánh Từ đã phân định từ trước, sau này các thôn cứ lệ đó mà theo” (Pvs, nam, NVT, áp trùm rối thôn Vân Chàng ngày 5/4/2023).

Nghệ nhân Cao Văn Chương, Trùm trưởng phường rối Giáp Tư và nghệ nhân Đoàn Văn Tiến, trùm trưởng phường rối Giáp Ba lại viện dẫn một điển tích khác giải thích sự phân định này liên quan đến việc tranh tài giữa ba thôn. “Vào dịp hội làng, mọi người tổ chức trò chơi tranh cầu, theo quy định, người chơi của thôn nào lấy được quả cầu bỏ vào lỗ của thôn mình là thôn đó thắng. Trong cuộc chơi này, người chơi thôn Giáp Ba và Giáp Tư to khỏe, tranh nhau quyết liệt, còn Vân Chàng chỉ loanh quanh ở bên cạnh. Trong lúc người chơi của hai thôn Giáp Ba và Giáp Tư vật nhau, quả cầu lăn ra phía ngoài, người chơi của thôn Vân Chàng nhanh chóng lấy được cầu đưa về lỗ của mình và trở thành người thắng cuộc, xếp vị trí thứ nhất. Lúc đó, hai người chơi kia vẫn đang vật nhau nhưng thôn Giáp Tư ở phía trên nên được phân định là thứ hai, người chơi thôn Giáp Ba ở phía dưới nên ở vị trí thứ 3, là em út” (Pvs, nam, CVC, trùm trưởng rối thôn Giáp Tư và ông Đoàn Văn Tiến, trùm trưởng rối thôn Giáp Ba, ngày 5/4/2023).

Mặc dù có sự khác nhau trong các điển tích nhưng điểm chung đều phản ánh rõ vai trò chủ thể của người dân ba thôn Vân Chàng, Giáp Tư, Giáp Ba và phần nào lý giải sự tham gia phường rối của nam giới ở ba thôn. Dù chỉ là quy định bất thành văn song các phường rối vẫn coi trọng và duy trì nghiêm túc.

Ngoài ra, các nghệ nhân của phường rối khi qua đời được lưu danh trên bia Hậu hiền đặt ở hành lang phía Đông của chùa để họ được “ăn

mày nơi cửa Phật” và đời đời phật tử chiêm bái. Hình thức ghi danh này là sự ghi nhận và là một trong những yếu tố quan trọng để các nghệ nhân gắn bó với phường rối.

4. Nghi lễ trước khi múa rối châu Thánh

Múa rối cạn châu Thánh là hoạt động quan trọng nhất trong lễ hội chùa Đại Bi, diễn ra trong ba ngày chính là 21, 22, 23 tháng Giêng âm lịch. Trong năm, phường rối còn tổ chức múa rối cạn châu Thánh vào đêm Giao thừa (30 tháng Chạp âm lịch). Trước khi biểu diễn, các nghệ nhân phường rối tổ chức các nghi lễ trình Đức Thánh Từ một cách trang trọng, thành kính; đồng thời xin phép các Thánh tượng rối được sửa soạn và rước các ngài ra múa. Các nghi lễ gồm có Mộc dục thánh y, Rước Thánh tượng và Khai Lộng.

4.1. Lễ Mộc dục thánh y

Lễ Mộc dục thánh y là nghi thức tắm và mặc y phục cho Thánh tượng rối mỗi khi đến kỳ lễ hội và trước khi múa rối châu Thánh. Vào 8 giờ sáng ngày 20 tháng Giêng âm lịch, các nghệ nhân ba phường rối tập trung ở chùa để làm lễ. Nhạc được tấu lên để ba trùm trưởng vào xin phép Thập nhị Thánh tượng rối được làm Lễ Mộc dục thánh y. Tiếp đó, tại khám thờ, các nghệ nhân dùng dải vải màu đỏ bao hàm (bịt miệng) nhằm ngăn sự uế tạp từ hơi thở vào Thánh tượng rối; dùng khăn vải bông cùng nước thơm thảo mộc để mộc dục (tắm) và lau khô Thánh tượng, sau đó thánh y (mặc áo). Công việc này được thực hiện tuần tự từ đôi *Lộng chúa*, *Tùy trắng* và *Cóc vàng*. Với sáu tượng nhỏ, thứ tự được thực hiện từ tượng *Chàng*, đôi *Tiên*, bà *Hoàng hậu*, ông *Chóp*, ông *Mách*. Y phục của Thánh tượng là những miếng vải có dây buộc phía trên, được may từ vải lụa hoặc nhiều điều, theo kích cỡ của từng tượng và có màu sắc khác nhau. Y phục của đôi *Lộng chúa* màu đỏ, đôi *Tùy trắng* màu vàng, đôi *Cóc vàng* màu xanh; y phục sáu tượng nhỏ màu đỏ, phía trên cổ đính các dải vải màu sắc tươi sáng. Sau khi thánh y, các tượng rối được đặt lại vào trong khám, các nghệ nhân vái lạy và ra về.

4.2. Lễ rước Thánh tượng rối

Nghi lễ rước Thánh tượng rối được thực hiện vào buổi tối trước khi biểu diễn. Ba ông trùm khăn áo chỉnh tề (áo the, khăn xếp, quần trắng ống sớ) xin phép được rước Thập nhị Thánh tượng rối ra Tam bảo để múa hát châu Đức Thánh Tổ. Các nghệ nhân gác sào *màn* lên hai cột

giữa tiền đường hướng về ban thờ Phật và Thánh tạo thành màn che cho sân khấu múa rối châu Thánh. Sào màn là tấm vải đỏ dài 1,5m và rộng 1,7m; phía trên viền dải vải màu xanh lục thêu hình sóng nước khoảng 35cm, đầu viền có nếp để luồn que làm sào gác được gọi là giàn, cũng là nơi đặt tượng (gác tượng) khi múa. Sáu tượng nhỏ trong hòm được rước ra trước và đặt lên nhang án cùng đèn nến, hương hoa và các phẩm vật được dâng cúng. Sau đó, sáu ông Lộng được rước lên sào màn để đặt giàn theo thứ tự đôi *Lộng chúa* ở giữa, đôi *Cóc vàng* bên trái, đôi *Tùy trắng* bên phải. Trước khi diễn, sáu ông Lộng làm động tác cúi đầu bái ba lần với ý nghĩa trình Đức Thánh Từ. Khi nghệ nhân dâng và đón sáu ông Lộng qua sào màn, đặt lên nhang án cùng sáu tượng nhỏ thì nghi lễ rước Thánh tượng rồi kết thúc. Các loại nhạc cụ (trống bản, trống cơm, thanh la và mõ) được tấu lên trong suốt quá trình rước tượng.

4.3. Lễ Khai Lộng

Khi các Thánh tượng rồi đã yên vị trên nhang án, sào màn được hai nghệ nhân chuyển lên che phía tượng thờ ở Tam bảo tạo thành vách ngăn để ba ông trùm vào làm lễ xin phép được Khai Lộng; đồng thời, cũng xin các ngài nếu khi biểu diễn tay chân hay ca từ có sai sót “do thủ túc, hoặc do khẩu thuyết đa quai ngưỡng mong nhập thị Thánh tượng đại xá” [Nguyễn Tiến Dũng, 2022: 81]. Tiếp đó, các nghệ nhân ba phường rồi trong trang phục áo the, khăn xếp vào vái lạy Thập nhị Thánh tượng và lễ Khai Lộng kết thúc.

Việc dùng sào màn làm vách ngăn khi thực hiện nghi lễ Khai Lộng đã tạo không gian thiêng giữa các Thánh tượng rồi đang ngự trên nhang án và các vị Phật, Thánh trên Tam bảo; giúp cho phường rồi vừa thực hiện nghi lễ với các Thánh tượng rồi tại không gian riêng, vừa thể hiện sự tôn kính đối với cả Thánh và Phật.

5. Nghệ thuật múa rối cạn châu Thánh trong lễ hội chùa Đại Bi

Nghi lễ Khai Lộng kết thúc cũng là lúc sào màn được đưa trở lại tiền đường thành màn che cho sân khấu biểu diễn. Các nghệ nhân ngồi phía sau tấm màn che để thực hiện nhiệm vụ đã được phân công, người chuẩn bị hát, người chuẩn bị nhạc cụ. Sau đó, sáu ông Lộng được các nghệ nhân chuyển xuống phía bên trái sào màn để chuẩn bị múa (đi Lộng). Ba trùm trưởng ngồi dưới cùng theo thứ tự ở giữa là trùm trùm Vân Chàng, bên trái là Giáp Ba, bên phải là Giáp Tư để

quan sát và phân công việc cho nghệ nhân phường mình. Một đêm múa rối cạn châu Thánh trọn vẹn thường diễn ra từ 7 giờ tối đến 12 giờ đêm, thậm chí có năm đến 1-2 giờ sáng. Múa rối cạn Thánh là nghệ thuật tổng hòa của ba yếu tố lời ca, điệu múa và âm nhạc.

5.1. Ca từ và làn điệu

Ca từ trong múa rối cạn châu Thánh ở chùa Đại Bi có 28 bài dài, ngắn khác nhau, trong đó có 26 bài các *giai* được phép hát, còn hai bài là do ba ông trùm thay nhau hát. Các bài ca có tới 13 làn điệu từ đơn giản đến phức tạp và đều có tính thơ với các thể thơ như sau:

Thể thơ lục bát: Gồm câu sáu và câu tám cả dạng lục bát vần bụng và lục bát vần lưng, nhưng cũng có câu không theo vần mà theo nghĩa như các bài vãn, hát.

Thể thơ Đường luật: Do thể thơ này chặt chẽ, nghiêm vần, nghiêm thanh nên chủ yếu được sử dụng trong các bài giáo như chinh phu và ngũ canh, thuộc thể thất ngôn bát cú; các bài giáo trống ở thể thất ngôn tứ tuyệt; các bài đưa thư, dâng Ông Chóp thuộc thể ngũ ngôn tứ tuyệt. Thể “phú” được sử dụng trong các bài giáo vọng, chinh phu, ngũ canh, phú cái. Có một số bài được viết theo nhiều thể khác nhau như bài dâng Ông Mách, Phú cái. Riêng bài Phú cái là tổng hợp các thể phú và thể từ cùng thể thất ngôn tứ tuyệt.

Mở đầu cho đêm hầu Thánh là điệu giáo trống vừa đồng dục, vừa trang nghiêm, đến làn điệu vãn mang âm hưởng gần như điệu hát ru của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Các làn điệu hát hợp xướng có người hát đứng cái (lĩnh xướng), đồng xướng và hát đế (thưa con). Có làn điệu ngân nga như ngâm thơ cổ, có cả thể thơ phú như bài giáo tam cương; lại có những bài hát ngâm theo thể bài “từ như phú cái. Trong vãn và hát, người hát sẽ xử lý âm nhịp sao cho câu hát ngân nga mượt mà uyển chuyển.

Trong các bài ca có rất nhiều các từ hát “đế” như “ớ vạy”, “áy vạy”, “ớ dô”, “là vạy”, “lễn”, “là”, “lèn”... thêm vào để đúng với giai điệu nhịp phách, đồng thời diễn tả cảnh chèo thuyền, kéo thuyền trên sông nước. Từ ngữ trong các lời ca được sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm, bởi vậy, ca từ sử dụng có cả từ Hán đã được phiên âm ra tiếng Việt hoặc từ Nôm xen kẽ, không theo quy luật nào. Các lời hát thường theo thể song thất lục bát hoặc lục bát, đan xen bút pháp hiện thực, ước lệ cùng với những thủ pháp nghệ thuật như so sánh, ẩn dụ,

ngoạ dụ; do đó, những lời ca vô cùng sinh động, uyển chuyển, có nhiều tầng lớp ý nghĩa.

Nội dung của các bài ca chủ yếu về ba chủ đề: Ca ngợi đất nước thái bình, người dân no đủ nhờ có Đức Thánh tổ phù hộ; giáo dục, khuyên răn mọi người sống đúng với đạo lý; phản ánh một số sự kiện lịch sử của đất nước. Ví dụ:

Ca ngợi đất nước thái bình:

“Rày mừng thiên hạ an quốc gia thái bường
Vua trên đều bảo trị quốc gia
Trong bốn bể triều quy nhất thống” (Dâng khánh tiết)
[Nguyễn Tiến Dũng 2022: 10]

Mong cầu người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc:

“Phong đều vũ thuận thái hòa
Đêm mưa ngày nắng, dân ta canh điền
Được mùa đấu mễ tam tiền
Binh cường quốc phú, khỏe lên tựa dài” (Văn cấp trước)
[Nguyễn Tiến Dũng 2022: 11]

Giáo dục, khuyên răn con người sống có đạo lý:

“Công của người ví như biển cả khôn cạn
Đạo làm con chó lấy làm ngư
Lo báo ơn nghĩa mẹ công cha
Cho cam thừa cù lao chi đức (Giáo tam cương)
[Nguyễn Tiến Dũng 2022: 14]

Coi trọng họ hàng, làng xóm và mọi người:

“Có nghĩa mới được vinh hoa
Yêu lấy bản tộc, dẫu hòa bạn thân
Huynh đệ chi đạo, nghĩa thân đồng bào
Càng xuống xe giá, càng chào bạn xưa” (Hát chinh phụ)
[Nguyễn Tiến Dũng 2022: 57]

Phản ánh một số sự kiện lịch sử đất nước như sự kiện Hoàng hậu nhà Hồ phải xuống tóc đi tu để lánh nạn:

“Diệu Thường mới đặt là tên
Rằng vâng thụ giáo Như Lai” (Dâng ông Mách)

[Nguyễn Tiến Dũng 2022: 73]

*Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đánh đuổi giặc Minh
giành lại độc lập cho đất nước:*

“ Mừng vua kim thượng (mới lên)
Mừng quân đánh được
Mừng nước đã yên” (Đứng cái cấp sau)

[Nguyễn Tiến Dũng 2022: 18]

Vào đêm thứ ba của lễ hội (ngày 23 tháng Giêng âm lịch) kết thúc ba đêm trình diễn nghệ thuật múa rối cạn châu Thánh có hát thêm cấp châu xoắn⁶, cũng là cấp thái bường với những lời cầu chúc tốt lành cho đất nước và người dân, mang lại niềm tin cho mọi người về một năm mới đầy niềm vui.

5.2. Vũ điệu múa rối cạn châu Thánh

Vũ điệu trong múa rối cạn châu Thánh còn được các nghệ nhân ở đây gọi là vũ đạo cách Thánh tượng, nghĩa là cách múa Thánh tượng rối. Các vũ điệu này rất đa dạng, có tính thiêng song không phức tạp, cầu kỳ và chỉ được biểu diễn khi đã thực hiện đầy đủ các nghi lễ với Đức Thánh tổ và Thập nhị Thánh tượng rối. Trình tự biểu diễn như sau, nghệ nhân múa cầm tượng rối đưa lên trên khỏi tấm màn che, theo quy luật từ trái qua phải; khi trình diễn, các đầu tượng nhô lên theo quy tắc “mọc Đông lặn Tây” (tức là nhô lên ở phía Đông rồi từ từ điều ra giữa, sang phía Tây rồi lại thụt xuống) và tùy theo từng nội dung truyền tải mà có những vũ điệu khác nhau.

Đầu tiên là múa với sáu ông Lộng (tượng lớn), phần múa này được thực hiện một cách trang trọng, thành kính. Những nghệ nhân múa Lộng vừa phải thuần thục các vũ điệu, vừa phải có sức khỏe bởi tượng rối khá nặng; khi múa nếu sơ xuất để va chạm hay trượt tay sẽ có lỗi với các Thánh tượng rối. Các tượng Lộng được ba nghệ nhân (mỗi nghệ nhân một đôi Lộng) dâng lên phía trên tấm màn che, cao vượt mặt sào giống như nổi lên trên mặt nước, sau đó đậu giàn, cúi lạy ba lần rồi tiếp tục đậu giàn. Khi nghe tiếng hát của hai nghệ nhân đứng cái, ba nghệ nhân cầm tượng bắt đầu múa (động Lộng) theo bài

ca và làn điệu với những vũ điệu diễn tả nội dung ca từ theo các cấp và các lớp lang (các phần) khác nhau. Múa Lộng gồm có ba cấp, tuần tự như sau:

Múa châu cấp trước: Gồm 15 vũ điệu, nội dung diễn tả những sinh hoạt trong cộng đồng dân cư và kinh nghiệm trong lao động sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước.

Múa châu cấp sau: Gồm ba vũ điệu, diễn tả việc chống thiên tai, địch họa của nhân dân như chống lũ lụt, hạn hán.

Múa châu cấp thái bường (thái bình): Gồm 10 vũ điệu, thể hiện niềm vui khi đất nước thái bình; có vua sáng tôi hiền, mưa nắng thuận hòa, mùa màng tốt tươi, đời sống của muôn dân ấm no, hạnh phúc. Khi vũ điệu cuối của cấp thái bường kết thúc, sáu ông Lộng cùng đậu giàn và cúi đầu bái ba lần rồi được các nghệ nhân đón và đưa lên phía trước màn che để đặt trở lại nhang án.

Tiếp đó là múa sáu tượng nhỏ nhưng không đồng diễn mà chỉ diễn đơn hoặc diễn đôi theo năm lớp lang (năm phần). Ông trưởng trùm rối chùa Đại Bi cho biết vũ điệu ở mỗi lớp lang đều thể hiện tính cách và tên của tượng rối đó, cụ thể như sau:

- Lớp thứ nhất: Một tượng Chàng (dâng Chàng) vóc dáng chàng trai thư sinh, mặt đỏ hồng, khôi ngô tuấn tú, với những vũ điệu thể hiện một lữ khách qua đường đứng dịp hội xuân, đã múa hát nhiệt tình, hồi đáp sự hiếu khách của cư dân địa phương.

- Lớp thứ hai: Hai tượng Tiên (dâng Tiên) trên trời xuống vui cùng dân chúng. Các vũ đạo thể hiện sự giao hòa giữa thiên nhiên và con người, có tính chất thoát tục biến hóa, lúc trên trời khi dưới mặt đất.

- Lớp thứ ba: Một ông Chóp (dâng ông Chóp) có khuôn mặt đỏ xuất hiện sau ba tiếng hú, có tính chất bất chợt, tượng trưng cho thời tiết. Tượng ông Chóp chỉ được giơ múa ba lần với ý nghĩa mang lại mưa nắng thuận hoà cho nhân gian.

- Lớp thứ tư: Một tượng Hoàng hậu (dâng Hậu) không có vũ điệu, chỉ dâng và đậu trên giàn. Hoàng hậu là bậc mẫu nghi thiên hạ nên phần này chủ yếu là hát, thể hiện sự trang trọng, uy nghi, tôn quý với những ca từ đầy tính răn dạy các thành phần, đối tượng trong xã hội, từ vua, quan đến sĩ, nông, công, thương, về tam cương ngũ thường, khuyên con cái học hành...

- Lớp thứ năm: Một ông Mách (dâng ông Mách) có khuôn mặt đỏ hồng, dáng vẻ suy tư, nghiêm nghị. Ông Mách cũng là người thường mách nhỏ, nói nhỏ cho mọi người biết vì thế, ông có vai trò như người dẫn chuyện kể về sự tích của Ôi lỗi, giai đoạn lịch sử triều đại nhà Hồ. Đây cũng là màn kết của múa rối cạn châu Thánh trong lễ hội chùa Đại Bi.

Nhìn chung, vũ đạo trong múa rối cạn châu Thánh của chùa Đại Bi tương đối đơn giản vì các Thánh tượng rối chỉ có đầu, không có tay chân nên rất khó để thể hiện được các cung bậc cảm xúc ẩn chứa trong mỗi tượng rối. Các vũ đạo thường mang tính tượng trưng với những tên gọi được định danh dựa trên đặc điểm của động tác múa, ẩn chứa ý nghĩa sâu xa. Những vũ điệu cơ bản gồm có:

Giao diện là vũ điệu đầu tượng rối quay mặt vào nhau; *Giao bối*, gáy tượng rối quay vào nhau; *Bình diện*, mặt tượng rối cùng nhìn về một hướng; *Ngó nhòm tai*, đầu tượng rối này múa quanh tai đầu tượng rối khác; *Rong giàn*, thư thả như rong chơi trên sào màn; *Động*, tượng rối lên xuống ba lần kết hợp ngó nhòm tai; *Ngó đôi nhấp nháy*, hai tượng rối bình diện và gật gù đằng trước ra đằng sau theo nhạc gõ; *Chèo vào*, tượng rối cùng tiến và cùng lùi; *Xên xang*, trôi lên ngụp xuống từ bên đông sang bên tây; *Giao diện chẳng cử*, hai tượng rối đối diện nhau nhưng một nghiêng về phía trước, một nghiêng về phía sau; *Giao bối chẳng cử*, hai tượng rối chạm gáy sau đó một lùi một tiến; *Chẳng cử bình diện*, hai mặt tượng rối nhìn thẳng, một nhô lên một lùi về sau; *Quang Đông, quang Tây*, tượng rối quay Đông, quay Tây; *Tam biến bình diện quay đông - đậu giàn*, múa ba lần ở phía đông thì đậu giàn; *Tam biến dá dừ khấu đầu*, múa ba lần thì hai đầu tượng chạm vào nhau; *Tam biến chéo cổ gà*, múa ba lần hai đầu tượng giao chéo nhau; *Nấp giàn*, hai tượng nằm trên giàn, châu đầu vào nhau sau đó lăn trên giàn.

Nghệ nhân múa rối châu Thánh phải nắm rõ tính cách của mỗi tượng rối mới thể hiện sắc nét hình tượng nhân vật thông qua các vũ điệu để toát lên thần sắc đặc trưng nhất của tượng rối. Khi diễn tả về lễ hội hay sinh hoạt cộng đồng, vũ đạo của các ông Lộng uyển chuyển khoan thai như: giao diện, giao bối, nhòm tai (múa châu cấp trước và cấp thái buồng). Nếu ông Lộng là quan văn thì mềm mại, quan võ thì mạnh mẽ, động tác dứt khoát. Khi có thiên thai, địch họa, các ông Lộng thể hiện sự gấp gáp, cùng chung vai đấu cật trong cộng đồng.

Kiểu múa như vậy gọi là “giáp tam thân”, để chiến đấu chống lại giặc ngoại xâm, chống lũ lụt, gọi là điệu *đổ Đông, đổ Tây* (múa châu cấp sau). Cầu cho mưa thuận gió hòa, vua sáng tôi hiền là sáu đầu ông Lộng nối tiếp nhau dâng lên như rồng đang bay lượn trên không trung (lộn tượng). Tượng rối Chàng là con người lãng mạn, vui tươi, cho nên khi múa phải tung bừng, như người say nhưng vẫn thể hiện được vẻ mềm mại, uyển chuyển. Tượng rối Tiên vũ điệu lại bay bổng, lúc cao, lúc thấp nhưng vẫn giữ được giai điệu, động tác múa mềm mại, uyển chuyển. Tính rối rõ nét và sinh động nhất là các vũ điệu của tượng rối Chàng, lúc nghiêng Đông, lúc nghiêng Tây, khật khuỳnh, nhún nhả khắc họa nên một lũ khách say cảnh, say tình người.

5.3. Âm nhạc

Nhạc cụ được sử dụng trong các buổi diễn rối châu Thánh đều thuộc bộ gõ, gồm có chuông đầu, trống túc, trống cái, mõ tre, trống bồng⁷, thanh la, trống cơm. Với những nhạc cụ này, nghệ nhân có thể tạo ra những giai điệu, cung bậc khác nhau. Theo Chánh trùm phường rối, có 10 giai điệu đệm cho các bài ca và vũ đạo của tượng rối, tạo nên những âm thanh khi thì náo nức vui tươi, diễn tả sự hân hoan của người dân khi đất nước thái bình, mùa màng bội thu; khi lại trầm lắng, thiết tha trong những lời ca răn dạy, giáo hóa con người.

Các nhạc cụ được chia thành hai nhóm là điểm canh và nhạc rối. Nhóm điểm canh điểm xuyết cho phần hát múa rối, do ba ông trong đội ngũ thập nhân đại diện cho ba thôn, sử dụng các nhạc cụ của nhà chùa, gồm có chuông đầu, trống túc (trống chèo) và trống cái (trống té). Nhóm nhạc rối trực tiếp phục vụ biểu diễn cho văn ca, vũ điệu, do mười nghệ nhân phường rối đảm nhiệm và thay phiên nhau cả hát và múa. Nhóm này gồm mõ tre, thanh la, trống bản, trống cơm.

Múa rối cạn châu Thánh kết thúc vào đêm thứ ba, các nghệ nhân phường rối sẽ múa hát thêm một cấp châu xoắn (cấp thái bường) với nội dung cầu chúc cho đất nước thái bình, người dân ấm no, hạnh phúc, tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi và đem lại niềm tin về cuộc sống an vui cho mọi người.

Kết luận

Trong lễ hội chùa Đại Bi, nghệ thuật múa rối cạn châu Thánh được đánh giá là hồn cốt, mang tính đặc trưng, tiêu biểu bởi những giá trị

nghệ thuật đặc sắc. Đó là loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian kết hợp với âm nhạc và vũ đạo, thể hiện sự tôn kính đối với Thánh Từ Đạo Hạnh - vị Thánh đã có công hộ quốc an dân, vị thành hoàng làng và ông tổ nghề múa rối. Các bài ca, vũ điệu, âm nhạc có sự hòa quyện, bổ trợ lẫn nhau, truyền tải tư tưởng nhân văn cao đẹp của Phật giáo nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng về sự từ bi, bác ái, hướng con người đến các giá trị chân - thiện - mỹ. Đặc biệt, các làn điệu và ca từ đều phiên âm từ chữ Nôm, theo thể lục bát hoặc song thất lục bát. Ngôn từ có sự chất lọc góp phần nâng lên thành ngôn ngữ thơ ca giàu tính thẩm mỹ, tính bác học. Nội dung ca từ rất phong phú và ý nghĩa, tri ân Đức Thánh Từ và ngợi ca vua sáng tôi hiền, đất nước thanh bình, thịnh trị. Ngoài ra, những lời ca còn có tính răn dạy về đạo đức, những điều hay lẽ phải trong tình cảm vợ chồng, anh em, sự hiếu thuận của con cái với cha mẹ, nhắc nhở con người về cách đối nhân xử thế và lối sống hiếu nghĩa, thủy chung.

Trải qua hàng trăm năm, múa rối chầu Thánh vẫn được các chủ thể văn hóa của ba thôn Vân Chàng, Giáp Tư, Giáp Ba duy trì và gìn giữ để bày tỏ lòng biết ơn với Đức Thánh Từ. Lễ hội chùa Đại Bi mà tiêu biểu nhất là nghệ thuật múa rối cạn chầu Thánh đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ghi danh vào danh mục Di sản Văn hoá phi vật thể Quốc gia (theo Quyết định số 254/QĐ-BVHTTDL ngày 22/01/2020). Đồng thời, nghệ thuật múa rối cạn chầu Thánh ở chùa Đại Bi còn cho thấy sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian của người Việt. Thực hành và tham dự múa rối cạn chầu Thánh đã trở thành hoạt động văn hóa tâm linh, là điểm tựa tinh thần của người dân địa phương; tạo sự gắn bó, đoàn kết cộng đồng; góp phần quan trọng để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp./.

CHÚ THÍCH:

1. Thung ở đây là sử dụng vật liệu tự nhiên: gỗ, tre, nứa... làm vách ngăn che kín buồng hay phòng.
2. Theo từ điển Hán Việt: Ôi 傀 thô kệch, lồi 儡: tượng nhỏ (búp bê) và gần nghĩa với từ xem; có nghĩa là múa hát với những đầu rối gỗ có hình thù kỳ dị. Trong bài viết theo nghĩa chữ Nôm: Ôi lồi 傀儡 là nghệ thuật múa hát rối đầu gỗ hay kịch rối đầu gỗ.
3. Truyền thuyết các đầu tượng rối sinh ra từ một bọc thả trôi trên sông được Từ Đạo Hạnh vớt về nuôi nấng.... được đề cập đến ở rất nhiều bài viết, tạp chí trực tuyến như: Henry tập viết (2023), *Nghệ thuật múa rối*

cạn Ôi Lỗi - Nét độc đáo trong văn hóa dân gian Việt Nam (Phần 1); Trần Hoàng (2016), *Rối đầu gỗ*; Nguyễn Thanh Thúy (2016), *Múa rối đầu gỗ chùa Đại Bi, thị trấn Nam Giang huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định...* và đây cũng là tích được các nghệ nhân phường rối chùa Đại Bi giới thiệu với mọi người

- 4 Hồ Quý Ly, cướp ngôi vua Trần Thiếu Đế (1398 - 1400).
- 5 Phú cái là bài hát có nội dung về lịch sử, chỉ dành cho các ông trùm trưởng hát vào phần cuối múa rối chầu Thánh.
- 6 Cặp chầu xoắn cũng là bài hát Cặp thái bường nhưng hát khi kết thúc nên có tên gọi khác.
- 7 Đường kính mặt trống khoảng 40cm, gỗ bằng mảnh nứa chứ không dùng dùi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo tàng Nam Định (2020), *Lý lịch lễ hội chùa Đại Bi*, tài liệu đánh máy.
2. Thiết Chử (tái bản 2001), *Từ điển Hán Việt*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Tiến Dũng (2022), *Nghệ thuật Ôi lỗi rối cạn chùa Đại Bi*, tài liệu đánh máy.
4. Henry tập viết (2023), *Nghệ thuật múa rối cạn Ôi Lỗi - Nét độc đáo trong văn hóa dân gian Việt Nam* (Phần 1), trên trang <https://spiderum.com/bai-dang/Nghe-thuat-mua-roi-can-Oi-Loi-Net-doc-dao-trong-van-hoa-dan-gian-Viet-Nam-Phan-1-zY8mnjFYQgcL> <http://thegioidisan.vn/vi/roi-dau-go.html> (truy cập ngày 11/5/2024)
5. Trang Thanh Hiền (2013), “Truyền thuyết, điển xứ rối đầu gỗ ở đình làng Xuân Trạch Thái Bình và dữ liệu lịch sử”, *Văn hóa dân gian*, số 6.
6. Trang Thanh Hiền (2014), “Tạo hình rối đầu gỗ và những kiến giải lịch sử”, *Nghiên cứu mỹ thuật*, số 226 & 237.
7. Đỗ Thị Thanh Hương (2019), “Một vài đặc điểm về các ngôi chùa thờ Tứ vị Thánh tổ ở đồng bằng sông Hồng”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 3.
8. Trần Hoàng (2016), *Rối đầu gỗ*, trên trang: <http://thegioidisan.vn/vi/roi-dau-go.html> (truy cập ngày 16/5/2024)
9. Đỗ Đình Thọ (chủ biên 2015), *Trò Ôi lỗi rối cạn và rối nước Nam Định chùa Đại Bi*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đàm Mạnh Thường (sưu tầm và biên tập 2022), *Lịch sử chùa Đại Bi*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội.
11. Nguyễn Thanh Thúy (2016), *Múa rối đầu gỗ chùa Đại Bi, thị trấn Nam Giang huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định*, trên trang: <https://www.spnttw.edu.vn/article/detail.aspx?articleid=3863&sitepageid=650> (truy cập ngày 6/5/2024).

Abstract**CHÀU THÁNH SHALLOW PUPPET DANCE – A UNIQUE
FEATURE OF THE ĐẠI BI TEMPLE FESTIVAL****Vu Hong Nhi***Vietnam Museum of Ethnology,
Vietnam Academy of Social Sciences*

The Đại Bi temple festival (Nam Giang town, Nam Trực district, Nam Định province) is a long-standing festival, organized on a large scale, associated with the worship of Zen Master Từ Đạo Hạnh, expressing reverence and gratitude towards him. During the festival, the Châu Thánh shallow puppet dance is one of the most distinctive and sacred rituals, taking place within a specific sacred time and space, contributing to the unique features of the Đại Bi temple festival. It is said that this performance was created by the Holy Master Từ Đạo Hạnh and passed down to the people, aiming to highlight the moral values and principles of human life. This article discusses the origins and art of the Châu Thánh shallow puppet dance and further explores the historical and cultural values of this unique form of folk artistic performance.

Keywords: shallow puppet dance, sacred statue, Từ Đạo Hạnh, Đại Bi temple